



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
TÂN ĐẠI HƯNG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh hợp nhất doanh giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	13 - 37
8. Phụ lục	38 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được soát xét bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng (công ty mẹ) và Công ty TNHH TĐH (công ty con) (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302760102, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 4 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 17 tháng 6 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 244.305.960.000 VND

Cổ phiếu của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 28 tháng 11 năm 2007 với mã chứng khoán là TPC.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (84 – 8) 39 737 277 - 39 737 278
Fax : (84 – 8) 39 737 279 - 39 737 276
E-mail : daihungplastic@hcm.vnn.vn
Mã số thuế : 0 3 0 2 7 6 0 1 0 2

Hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: Sản xuất, chế biến sản phẩm cao su (không hoạt động tại trụ sở); mua bán, sản xuất bao bì nhựa PP, PE, PET (trừ tái chế phế thải); mua bán sản phẩm nhựa, nguyên liệu nhựa, bột màu, máy móc thiết bị và phụ tùng ngành công nông lâm nghiệp.

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH TĐH	C11 – C15, cụm công nghiệp nhựa Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5002000837 ngày 22 tháng 5 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp	100%

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 41).

Trong kỳ, Công ty đã chia cổ tức năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 09 tháng 5 năm 2014 với tổng số tiền là 21.268.956.000 VND (1.400 VND/cổ phiếu).

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Phạm Đỗ Diễm Hương	Chủ tịch	30 tháng 5 năm 2013	-
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Chủ tịch	30 tháng 5 năm 2013	-
Bà Tôn Thị Hồng Minh	Phó Chủ tịch	30 tháng 5 năm 2013	-
Ông Phạm Văn Mẹo	Thành viên	06 tháng 4 năm 2012	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	Thành viên	11 tháng 8 năm 2007	-
Ông Trần Hữu Vinh	Thành viên	06 tháng 4 năm 2012	-
Ông Huỳnh Thanh Tuấn	Thành viên	06 tháng 4 năm 2012	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa	Trưởng ban	06 tháng 4 năm 2012	-
Bà Đào Thanh Tuyền	Ủy viên	06 tháng 4 năm 2012	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Cúc	Ủy viên	06 tháng 4 năm 2012	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Phạm Đỗ Diễm Hương	Tổng Giám đốc	30 tháng 5 năm 2013	-
Ông Phạm Văn Mẹo	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 6 năm 2013	-
Bà Tôn Thị Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc	30 tháng 9 năm 2013	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Đỗ Diễm Hương
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2014





Số: 0708/2014/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng (Công ty mẹ) và Công ty TNHH TĐH (Công ty con) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, được lập ngày 08 tháng 8 năm 2014, từ trang 06 đến trang 41 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của của các công ty trong Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1



Đỗ Thị Mai Loan - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0090-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		544.917.241.923	592.786.152.044
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	35.683.708.609	21.014.250.213
1. Tiền	111		25.683.708.609	16.014.250.213
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	5.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		90.200.000.000	123.500.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	90.200.000.000	123.500.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		214.580.945.979	269.073.823.974
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3	175.363.126.864	219.767.041.544
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	40.985.150.718	45.077.735.734
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.5	785.514.587	6.849.758.901
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.6	(2.552.846.190)	(2.620.712.205)
IV. Hàng tồn kho	140		187.264.964.201	170.894.704.572
1. Hàng tồn kho	141	V.7	187.264.964.201	170.894.704.572
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.187.623.134	8.303.373.285
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		383.217.852	581.902.670
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.330.930.652	6.364.695.135
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.17	1.386.236.805	96.763.655
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	1.087.237.825	1.260.011.825

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		122.129.428.925	67.133.129.139
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		46.230.762.591	44.216.907.058
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	46.230.762.591	44.216.907.058
<i>Nguyên giá</i>	222		101.927.371.453	95.758.399.950
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(55.696.608.862)	(51.541.492.892)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		164.800.000	164.800.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(164.800.000)	(164.800.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		20.133.626.600	22.035.061.600
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	24.400.198.949	34.944.447.615
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	V.11	(4.266.572.349)	(12.909.386.015)
V. Tài sản dài hạn khác	260		55.765.039.734	881.160.481
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	55.765.039.734	727.075.418
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	-	154.085.063
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		667.046.670.848	659.919.281.183



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

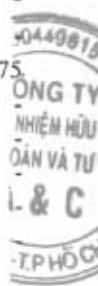
Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		364.427.285.080	343.542.177.727
I. Nợ ngắn hạn	310		284.021.755.015	250.413.586.252
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	223.262.640.662	197.943.913.238
2. Phải trả cho người bán	312	V.15	41.916.293.284	29.731.588.484
3. Người mua trả tiền trước	313	V.16	4.071.015.052	4.949.418.346
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.17	808.821.842	1.345.060.857
5. Phải trả người lao động	315	V.18	3.934.735.720	7.206.455.501
6. Chi phí phải trả	316	V.19	1.819.757.521	1.352.134.614
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.20	8.208.490.934	7.885.015.212
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	320		80.405.530.065	93.128.591.475
1. Phải trả dài hạn người bán	321		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	322		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	323		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	324	V.21	80.405.530.065	93.128.591.475
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		302.619.385.768	316.377.103.456
I. Vốn chủ sở hữu	410		302.619.385.768	316.377.103.456
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	244.305.960.000	244.305.960.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	86.242.518.451	86.242.518.451
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.22	(40.632.476.860)	(40.632.476.860)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	V.22	12.703.384.177	26.461.101.865
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		667.046.670.848	659.919.281.183



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		729.006,77	432.237,55
Euro (EUR)		20,87	20,87
6. Dự toán chi phí hoạt động		-	-


TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2014



 Hồ Nhật Minh
 Người lập biểu



 Nguyễn Thị Thanh Loan
 Kế toán trưởng



 Phạm Đỗ Diễm Hương
 Tổng Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	327.497.223.811	342.312.667.694
2. Các khoản giảm trừ	03	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	327.497.223.811	342.312.667.694
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	301.148.378.181	315.110.802.469
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	-	26.348.845.630	27.201.865.225
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.937.885.825	4.845.036.388
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7.830.626.510	4.016.939.655
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.751.686.268	1.552.618.754
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	7.281.617.742	7.779.030.370
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	9.540.161.224	7.952.391.698
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.634.325.979	12.298.539.890
11. Thu nhập khác	31	VI.7	280.001.049	4.896.172.115
12. Chi phí khác	32	VI.8	222.516.183	3.915.008.416
13. Lợi nhuận khác	40		57.484.866	981.163.699
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.691.810.845	13.279.703.589
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	990.346.955	2.506.401.846
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		154.085.063	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>7.547.378.827</u>	<u>10.773.301.743</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		7.547.378.827	10.773.301.743
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>355</u>	<u>507</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2014


 Hồ Nhật Minh
 Người lập biểu


 Nguyễn Thị Thanh Loan
 Kế toán trưởng


 Phạm Đỗ Diễm Hương
 Tổng Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.691.810.845	13.279.703.589
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9	4.567.556.826	4.212.103.795
- Các khoản dự phòng	03	V.6, 11	(8.710.679.681)	2.123.702.128
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	1.030.597.612	330.408.773
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 4, 7, 8	4.542.663.218	(4.395.420.527)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	4.751.686.268	5.314.618.818
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		14.873.635.088	20.865.116.576
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		46.631.862.027	(2.640.715.088)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(16.370.259.629)	(21.515.924.338)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		8.156.385.034	3.875.646.492
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(54.839.279.498)	(63.738.662)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.19; VI.4	(5.344.409.651)	(5.314.618.818)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.17	(2.520.144.708)	(2.392.919.855)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9.412.211.337)	(7.187.153.693)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, 15	(6.726.043.503)	(1.549.636.369)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	280.000.000	182.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(77.200.000.000)	(11.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		110.500.000.000	20.128.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		2.712.259.721	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.3	3.450.186.454	8.644.572.678
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		33.016.402.672	15.904.936.309

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.14, 21	180.979.718.838	149.044.931.302
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.14	(169.367.074.348)	(142.908.961.784)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20, 22	(20.588.724.000)	(22.750.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(8.976.079.510)</i>	<i>6.113.219.518</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		14.628.111.825	14.831.002.134
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	21.014.250.213	111.581.303.792
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		41.346.571	172.425.562
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	35.683.708.609	126.584.731.488


TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2014



Hồ Nhật Minh
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng



Phạm Đỗ Diễm Hương
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng (công ty mẹ) và Công ty TNHH TĐH (Công ty con) (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất bao bì nhựa, mua bán bao bì nhựa bao bì hạt nhựa PP, PE, PET (trừ tái chế phế thải) và kinh doanh bất động sản.
- Tổng số các công ty con** : 01
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01
- Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH TĐH	C11 – C15, cụm Công nghiệp nhựa Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	100%	100%
- Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 Tập đoàn có 691 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 696 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 10
Máy móc và thiết bị	02 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

8. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là phần mềm máy tính.

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại các công ty trong Tập đoàn từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.075 VND/USD
28.865 VND/EUR
30/6/2014 : 21.315 VND/USD
28.970 VND/EUR

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.8.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi các Công ty trong Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua tài sản tài chính đó.

21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. **Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. **Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. **Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	128.566.574	30.252.901
Tiền gửi ngân hàng	25.555.142.035	15.983.997.312
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng)	10.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	<u>35.683.708.609</u>	<u>21.014.250.213</u>

2. **Đầu tư ngắn hạn**

Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến dưới 01 năm tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam), Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình và Commonwealth Bank of Australia – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền gửi có kỳ hạn trị giá 90.200.000.000 VND được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Commonwealth Bank of Australia – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng trong nước	73.720.752.615	174.037.056.795
Các khách hàng nước ngoài	101.642.374.249	45.729.984.749
Cộng	<u>175.363.126.864</u>	<u>219.767.041.544</u>

4. Trả trước cho người bán

Trả trước cho các nhà cung cấp hàng hóa.

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu cơ quan bảo hiểm xã hội	120.648.196	238.310.503
Lãi vay phải thu Công ty TNHH Đại Hưng	-	2.712.455.103
Lãi ngân hàng dự thu	-	249.729.583
Phải thu Công ty cổ phần đầu tư cơ sở hạ tầng Tân Đô	-	3.030.623.668
Thuế GTGT chờ hoàn	596.466.391	596.466.391
Các khoản phải thu khác	68.400.000	22.173.653
Cộng	<u>785.514.587</u>	<u>6.849.758.901</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán trên 02 năm đến dưới 03 năm của khoản công nợ phải thu khách hàng nước ngoài.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(2.620.712.205)	(2.954.028.770)
Hoàn nhập dự phòng	67.866.015	-
Số cuối kỳ	<u>(2.552.846.190)</u>	<u>(2.954.028.770)</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	3.423.636.363	3.239.681.818
Nguyên liệu, vật liệu	77.990.511.912	56.702.915.697
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	79.119.900.421	72.287.239.473
Thành phẩm	11.341.526.105	22.240.792.892
Hàng hóa bất động sản	15.389.389.400	16.424.074.692
Cộng	<u>187.264.964.201</u>	<u>170.894.704.572</u>

8. Tài sản ngắn hạn khác

Khoản tạm ứng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	3.560.079.680	83.600.373.654	8.253.868.784	344.077.832	95.758.399.950
Mua trong kỳ	-	4.042.352.320	2.730.191.183	-	6.772.543.503
Thanh lý, nhượng bán	-	(603.572.000)	-	-	(603.572.000)
Số cuối kỳ	3.560.079.680	87.039.153.974	10.984.059.967	344.077.832	101.927.371.453
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	323.417.952	9.977.267.405	387.747.273	201.591.282	10.890.023.912
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	1.911.523.718	45.895.764.214	3.458.199.459	276.005.501	51.541.492.892
Khấu hao trong kỳ	247.045.208	3.744.459.352	561.803.611	14.248.655	4.567.556.826
Thanh lý, nhượng bán	-	(412.440.856)	-	-	(412.440.856)
Số cuối kỳ	2.158.568.926	49.227.782.710	4.020.003.070	290.254.156	55.696.608.862
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.648.555.962	37.704.609.440	4.795.669.325	68.072.331	44.216.907.058
Số cuối kỳ	1.401.510.754	37.811.371.264	6.964.056.897	53.823.676	46.230.762.591
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

10. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		12.300.198.949		22.844.447.615
- Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu	3	198.949	3	198.949
- Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam	532.847	11.300.000.000	532.847	11.300.000.000
- Công ty cổ phần văn hóa Tân Bình	-	-	193.976	10.544.248.666
- Công ty cổ phần đầu tư cơ sở tầng Tân Đô	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác		12.100.000.000		12.100.000.000
- Công ty cổ phần dịch vụ đầu tư hạ tầng Á Châu	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
- Công ty cổ phần nhựa Thuận Đức Long An (*)	14.000	2.100.000.000	14.000	2.100.000.000
Cộng		24.400.198.949		34.944.447.615

Cổ phiếu Công ty cổ phần văn hóa Tân Bình giảm do bán toàn bộ cổ phiếu đã đầu tư.

11. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(12.909.386.015)	(9.676.755.315)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(2.123.702.128)
Hoàn nhập dự phòng	8.642.813.666	-
Số cuối kỳ	<u>(4.266.572.349)</u>	<u>(11.800.457.443)</u>

12. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Công cụ, dụng cụ	725.512.028	346.892.309	(308.078.327)	764.326.010
Tiền thuê đất	-	56.500.000.000	(1.500.000.000)	55.000.000.000
Chi phí khác	1.563.390	-	(849.666)	713.724
Cộng	<u>727.075.418</u>	<u>56.846.892.309</u>	<u>(1.808.927.993)</u>	<u>55.765.039.734</u>

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tập đoàn có khoản lỗ lũy kế được chuyển đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 11.325.518.821 VND. Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho khoản lỗ được chuyển này vì khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai là không chắc chắn.

14. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	195.695.439.602	170.687.109.938
- Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu ⁽ⁱ⁾	16.583.070.000	25.416.450.000
- Commonwealth Bank of Australia - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	57.573.227.119	68.378.522.438
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ⁽ⁱⁱⁱ⁾	5.222.175.020	13.877.887.500
- Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình ^(iv)	74.112.255.000	46.365.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam ^(v)	42.204.712.463	16.649.250.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21)	27.567.201.060	27.256.803.300
Cộng	<u>223.262.640.662</u>	<u>197.943.913.238</u>

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh 03 tháng một lần theo biểu lãi suất của ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cá nhân của các thành viên Hội đồng quản trị và bảo lãnh của Công ty TNHH Đại Hưng.

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay Commonwealth Bank of Australia – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng (xem thuyết minh số V.2).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng (xem thuyết minh số V.2).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi tiết kiệm của thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng và bảo lãnh của Công ty TNHH Đại Hưng.
- (v) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng (xem thuyết minh số V.2).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	170.687.109.938	180.224.084.715	-	(155.849.251.900)	633.496.849	195.695.439.602
Vay dài hạn đến hạn trả	27.256.803.300	-	13.783.600.530	(13.517.822.448)	44.619.678	27.567.201.060
Cộng	197.943.913.238	180.224.084.715	13.783.600.530	(169.367.074.348)	678.116.527	223.262.640.662

15. Phải trả cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả tiền mua nguyên liệu, phụ tùng sản xuất	38.015.329.221	28.803.125.465
Phải trả tiền mua máy móc, thiết bị	46.500.000	-
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	3.854.464.063	928.463.019
Cộng	41.916.293.284	29.731.588.484

16. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước liên quan đến hợp đồng góp vốn đầu tư nền đất	2.924.000.000	1.987.800.000
Trả trước về mua hàng hoá	1.147.015.052	2.961.618.346
Cộng	4.071.015.052	4.949.418.346

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa ^(*)	1.093.944.979	2.517.619.955	(3.719.119.864)	(107.554.930)
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	4.322.242.047	(4.322.242.047)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	387.223.709	(387.223.709)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp ^(*)	251.115.878	990.346.955	(2.520.144.708)	(1.278.681.875)
Thuế thu nhập cá nhân ^(*)	(96.763.655)	948.549.837	(42.964.340)	808.821.842
Các loại thuế khác	-	6.000.000	(6.000.000)	-
Cộng	1.248.297.202	9.171.982.503	(10.997.694.668)	(577.414.963)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng hóa xuất khẩu	0%
- Sản phẩm bao bì nhựa	10%
- Các sản phẩm khác	5%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Công ty TNHH TĐH nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh dệt sợi bao bì nhựa với thuế suất 20% trong 10 năm kể từ năm hoạt động đầu tiên, được miễn thuế trong 02 năm kể từ khi kinh doanh có lãi và giảm 50% số thuế phải nộp trong 06 năm tiếp theo. Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% (năm trước là 25%).
- Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22% (năm trước là 25%).

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông sẽ giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.691.810.845	13.279.703.589
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	363.159.143	3.825.171.383
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	(202.587.372)	-
Thu nhập chịu thuế	8.852.382.616	17.104.874.972
Thu nhập được miễn thuế	(213.140.900)	(293.065.850)
Thu nhập tính thuế	8.639.241.716	16.811.809.122
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.917.063.839	4.333.235.382
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(926.716.884)	(1.826.833.536)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	990.346.955	2.506.401.846

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**18. Phải trả người lao động**

Lương tháng 6 và tháng 13 trích trước còn phải trả.

19. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoa hồng bán hàng	134.264.711	350.345.345
Phí gia công nguyên liệu	1.685.492.810	-
Chi phí lãi vay	-	592.723.383
Các chi phí khác	-	409.065.886
Cộng	<u>1.819.757.521</u>	<u>1.352.134.614</u>

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp	391.389.606	365.022.216
Cổ tức còn phải trả	1.913.721.360	1.233.489.360
Phải trả theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp vào dự án Tân Đô	634.139.968	4.654.500.000
Khoản phải trả khác	5.269.240.000	1.632.003.636
Cộng	<u>8.208.490.934</u>	<u>7.885.015.212</u>

21. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu để sang nhượng quyền sử dụng đất và nhà xưởng ở lô C9 – C11– C15 Cụm công nghiệp nhựa Đức Hòa – Long An với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh 01 năm một lần theo biểu lãi suất ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay, tài sản của Công ty TNHH Đại Hưng và tài sản của các cá nhân có liên quan.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	27.567.201.060	27.256.803.300
Trên 1 năm đến 5 năm	80.405.530.065	93.128.591.475
Tổng nợ	<u>107.972.731.125</u>	<u>120.385.394.775</u>

Chi tiết phát sinh của khoản vay như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	93.128.591.475	118.993.872.096
Số tiền vay phát sinh	755.634.123	-
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(13.783.600.530)	(13.639.394.904)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	304.904.997	1.168.745.436
Số cuối kỳ	<u>80.405.530.065</u>	<u>106.523.222.628</u>

22. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**Cổ tức**

Trong kỳ, Tập đoàn đã chi trả cổ tức cho các cổ đông là 20.588.724.000 VND (cùng kỳ năm trước là 22.750.000 VND).

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.430.596	24.430.596
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.430.596	24.430.596
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.430.596	24.430.596
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(3.161.640)	(3.161.640)
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(3.161.640)	(3.161.640)
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.268.956	21.268.956
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21.268.956	21.268.956
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	327.497.223.811	342.312.667.694
- <i>Doanh thu cung cấp hàng hóa, nguyên vật liệu</i>	50.821.849.008	23.732.042.964
- <i>Doanh thu cung cấp thành phẩm</i>	274.297.127.766	313.197.381.477
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	1.319.647.037	870.043.253
- <i>Doanh thu hoạt động khác</i>	1.058.600.000	4.513.200.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	<u>327.497.223.811</u>	<u>342.312.667.694</u>

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa, nguyên vật liệu đã cung cấp	50.547.082.221	15.419.297.038
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	248.246.963.631	295.770.416.745
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.319.647.037	870.043.253
Giá vốn khác	1.034.685.292	3.051.045.433
Cộng	<u>301.148.378.181</u>	<u>315.110.802.469</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.987.315.971	2.958.987.501
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	44.228.850	53.828.318
Lãi tiền cho vay	-	1.035.236.877
Cổ tức lợi nhuận được chia	213.140.900	293.065.850
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.568.519.721	344.697.757
Doanh thu tài chính khác	2.124.680.383	159.220.085
Cộng	6.937.885.825	4.845.036.388

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	4.751.686.268	1.552.618.754
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.859.167.351	10.210.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.030.597.612	330.408.773
Thanh lý cổ phiếu	7.831.988.945	-
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(8.642.813.666)	2.123.702.128
Cộng	7.830.626.510	4.016.939.655

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.108.048	3.576.351
Chi phí khấu hao tài sản cố định	71.295.120	39.483.756
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.124.141.846	7.726.525.532
Chi phí khác	64.072.728	9.444.731
Cộng	7.281.617.742	7.779.030.370

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.007.576.678	5.176.491.475
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	344.053.741	305.799.160
Chi phí khấu hao tài sản cố định	428.320.546	262.180.703
Chi phí dịch vụ mua ngoài	251.808.250	246.995.861
Chi phí khác	1.508.402.009	1.960.924.499
Cộng	9.540.161.224	7.952.391.698

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	280.000.000	182.000.000
Thu lãi phạt vi phạm hợp đồng	-	4.033.347.709
Thu nhập khác	1.049	680.824.406
Cộng	280.001.049	4.896.172.115

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	191.131.133	73.871.756
Phạt chậm nộp	546.972	-
Chi phí lãi vay không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	-	3.762.000.064
Chi phí khác	30.838.078	79.136.596
Cộng	222.516.183	3.915.008.416

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	7.547.378.827	10.773.301.743
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.547.378.827	10.773.301.743
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	21.268.956	21.268.956
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	355	507

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	148.464.332.065	78.883.721.596
Chi phí nhân công	61.358.851.446	28.477.057.824
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.567.556.826	4.212.103.795
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.204.037.549	13.478.326.697
Chi phí khác	31.185.486.786	39.245.786.451
Cộng	349.780.264.672	164.296.996.363

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan dùng tài sản cá nhân là quyền sử dụng đất và tài khoản tiết kiệm để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu và Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình (xem thuyết minh số V.14 và V.21).

Trong kỳ, Tập đoàn không có giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn cũng không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	292.453.689	483.800.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	19.554.938	33.269.670
Cộng	312.008.627	517.069.670

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Đại Hưng	Người đại diện của Công ty TNHH Đại Hưng có mối quan hệ gia đình với Giám đốc Công ty TNHH TĐH
Công ty TNHH nhựa Đại Hưng	Người đại diện của Công ty TNHH nhựa Đại Hưng có mối quan hệ gia đình với Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng
Công ty cổ phần kinh doanh Đại Hưng Thịnh	Kế toán trưởng của Công ty cổ phần kinh doanh Đại Hưng Thịnh là thành viên quản lý chủ chốt của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại Hưng		
Bán hàng hóa	-	3.636.363.636
Thuê nhà xưởng	59.045.454.545	-
Công ty TNHH nhựa Đại Hưng		
Bán hàng hóa	-	49.883.471.880
Thu hộ tiền điện, nước	32.089.940	-
Thuê văn phòng	120.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty cổ phần kinh doanh Đại Hưng Thịnh		
Bán hàng hóa	41.844.542.749	-
Thu hộ tiền điện nước	13.117.833	-
Mua hạt nhựa	83.750.000	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Ngoài ra, Công ty TNHH Đại Hưng còn dùng tài sản cố định là quyền sử dụng đất và nhà xưởng ở lô C9 – C11 – C15 Cụm công nghiệp nhựa Đức Hòa – Long An và tài khoản tiết kiệm để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu và Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Đại Hưng		
Phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất	100.620.000.000	148.167.040.000
Lãi vay đầu tư mua bất động sản phải thu lại	-	2.712.455.103
Ứng trước tiền thuê nhà xưởng	30.700.000.000	26.380.000.000
Công ty TNHH nhựa Đại Hưng		
Phải thu khoản thu hộ tiền điện nước	12.693.052	-
Công ty cổ phần kinh doanh Đại Hưng Thịnh		
Phải thu khoản thu hộ tiền điện nước	13.773.724	-
Cộng nợ phải thu	<u>131.346.466.776</u>	<u>177.259.495.103</u>
Công ty TNHH nhựa Đại Hưng		
Phải trả tiền thuê văn phòng	-	66.000.000
Công ty cổ phần kinh doanh Đại Hưng Thịnh		
Ứng trước tiền hàng	-	213.999.779
Cộng nợ phải trả	<u>-</u>	<u>279.999.779</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: kinh doanh bao bì nhựa và hạt nhựa.
- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất bao bì nhựa.
- Lĩnh vực khác: cung cấp dịch vụ.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở Phụ lục 02 đính kèm

Khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn là kinh doanh thương mại hạt nhựa, bao bì nhựa các loại và hoạt động sản xuất bao bì nhựa PP, PE, PET. Thị trường tiêu thụ chủ yếu của Tập đoàn là Việt Nam và các nước Châu Âu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Việt Nam	122.266.815.852	137.928.040.369
Khu vực Châu Âu	205.230.407.959	204.384.627.325
Cộng	327.497.223.811	342.312.667.694

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của các công ty trong Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.683.708.609	-	-	35.683.708.609
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	90.200.000.000	-	-	90.200.000.000
Phải thu khách hàng	157.292.960.610	15.517.320.064	2.552.846.190	175.363.126.864
Các khoản phải thu khác	68.400.000	-	-	68.400.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	13.100.000.000	-	11.300.198.949	24.400.198.949
Cộng	296.345.069.219	15.517.320.064	13.853.045.139	325.715.434.422
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.014.250.213	-	-	21.014.250.213
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123.500.000.000	-	-	123.500.000.000
Phải thu khách hàng	200.993.948.897	15.764.100.000	3.008.992.647	219.767.041.544
Các khoản phải thu khác	6.611.448.398	-	-	6.611.448.398
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	13.100.000.000	-	21.844.447.615	34.944.447.615
Cộng	365.219.647.508	15.764.100.000	24.853.440.262	405.837.187.770

Thời gian quá hạn của khoản phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá là trên 01 năm đến dưới 02 năm.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ			
Vay và nợ	223.262.640.662	80.405.530.065	303.668.170.727
Phải trả người bán	41.916.293.284	-	41.916.293.284
Các khoản phải trả khác	7.633.478.881	-	7.633.478.881
Cộng	272.812.412.827	80.405.530.065	353.217.942.892

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số đầu năm			
Vay và nợ	197.943.913.238	93.128.591.475	291.072.504.713
Phải trả người bán	29.731.588.484	-	29.731.588.484
Các khoản phải trả khác	8.872.127.610	-	8.872.127.610
Cộng	236.547.629.332	93.128.591.475	329.676.220.807

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất và giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	729.006,77	20,87	432.237,55	20,87
Phải thu khách hàng	2.301.317,22	-	2.088.354,98	-
Vay và nợ	(14.246.688,75)	-	(13.811.269,50)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(11.216.364,76)	20,87	(11.290.676,97)	20,87

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 4.255.567.306 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 4.164.142.800 VND).

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tập đoàn có khoản vay với lãi suất thả nổi là USD 4.550.251,00 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là USD 13.811.269,50).

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn thế chấp tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng để đảm bảo cho khoản vay của Commonwealth Bank of Australia – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (xem thuyết minh số V.2). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 của khoản đầu tư ngắn hạn khác có giá trị là 90.200.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 107.500.000.000 VND).

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lầu 5 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.683.708.609	-	21.014.250.213	-	35.683.708.609	21.014.250.213
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	90.200.000.000	-	123.500.000.000	-	90.200.000.000	123.500.000.000
Phải thu khách hàng	175.363.126.864	(2.552.846.190)	219.767.041.544	(2.620.712.205)	172.810.280.674	217.146.329.339
Các khoản phải thu khác	68.400.000	-	6.611.448.398	-	68.400.000	6.611.448.398
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24.400.198.949	(4.266.572.349)	34.944.447.615	(12.909.386.015)	20.133.626.600	22.035.061.600
Cộng	325.715.434.422	(6.819.418.539)	405.837.187.770	(15.530.098.220)	318.896.015.883	390.307.089.550

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Vay và nợ	303.668.170.727	291.072.504.713	303.668.170.727
Phải trả người bán	41.916.293.284	29.731.588.484	41.916.293.284	29.731.588.484
Các khoản phải trả khác	7.633.478.881	8.872.127.610	7.633.478.881	8.872.127.610
Cộng	353.217.942.892	329.676.220.807	353.217.942.892	329.676.220.807


Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị hợp lý của các khoản vay dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2014


Hồ Nhật Minh
Người lập biểu


Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng


Phạm Đỗ Diễm Hương
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 01 : Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND


	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	244.305.960.000	86.242.518.451	(40.632.476.860)	33.123.174.797	323.039.176.388
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	23.451.751.468	23.451.751.468
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	(29.776.538.400)	(29.776.538.400)
Thuế GTGT những năm trước không được hoàn	-	-	-	(337.286.001)	(337.286.001)
Số dư cuối năm trước	244.305.960.000	86.242.518.451	(40.632.476.860)	26.461.101.864	316.377.103.455
Số dư đầu năm nay	244.305.960.000	86.242.518.451	(40.632.476.860)	26.461.101.864	316.377.103.455
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	7.547.378.827	7.547.378.827
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	-	(21.268.956.000)	(21.268.956.000)
Xử lý thuế GTGT	-	-	-	(36.140.514)	(36.140.514)
Số dư cuối kỳ này	244.305.960.000	86.242.518.451	(40.632.476.860)	12.703.384.177	302.619.385.768



Hồ Nhật Minh
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng



Phạm Đỗ Diễm Hương
Tổng Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HUNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	247.340.391.921	77.778.584.853	2.378.247.037	-	327.497.223.811
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	23.383.773.091	89.786.102.850	-	(113.169.875.941)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	270.724.165.012	167.564.687.703	2.378.247.037	(113.169.875.941)	327.497.223.811
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	235.983.113	9.267.168.843	23.914.708	-	9.527.066.664
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					9.527.066.664
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					6.937.885.825
Doanh thu hoạt động tài chính					(7.830.626.510)
Chi phí tài chính					280.001.049
Thu nhập khác					(222.516.183)
Chi phí khác					(990.346.955)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(154.085.063)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					7.547.378.827
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	59.318.283.942	4.301.151.870	-	-	63.619.435.812
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.907.786.699	4.468.698.120	-	-	6.376.484.819
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	264.322.329.835	72.607.094.606	5.383.243.253	-	342.312.667.694
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	100.738.072.808	200.511.139.726	-	(301.249.212.534)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	365.060.402.643	273.118.234.332	5.383.243.253	(301.249.212.534)	342.312.667.694
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(8.262.146.948)	18.270.435.538	1.462.154.567	-	11.470.443.157
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					11.470.443.157
Doanh thu hoạt động tài chính				-	4.845.036.388
Chi phí tài chính				-	(4.016.939.655)
Thu nhập khác				-	4.896.172.115
Chi phí khác				-	(3.915.008.416)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-	(2.506.401.846)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					10.773.301.743
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	1.687.521.369	-	-	1.687.521.369
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	201.599.025	4.107.769.290	-	-	4.309.368.315
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Địa chỉ: 414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

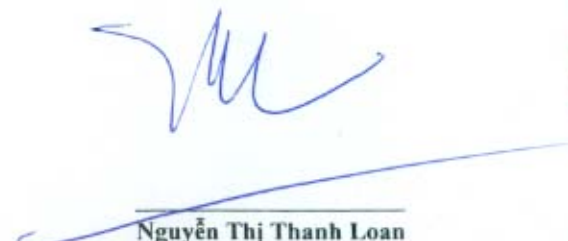
Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	312.285.174.519	244.427.869.729	-	-	556.713.044.248
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					110.333.626.600
Tổng tài sản					667.046.670.848
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	336.053.219.100	28.374.065.980	-	-	364.427.285.080
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					-
Tổng nợ phải trả					364.427.285.080
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	270.352.120.237	243.878.014.284	-	-	514.230.134.521
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					145.689.146.662
Tổng tài sản					659.919.281.183
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	195.845.140.901	27.311.642.051	-	-	223.156.782.952
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					120.385.394.775
Tổng nợ phải trả					343.542.177.727



Hồ Nhật Minh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng



Phạm Đỗ Diễm Hương
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2014